

Bản án số: 373/2025/DSST

Ngày: 28 - 08 - 2025.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Hiền Thực.
- Bà Đào Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐHPT-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1

Trụ sở: số H đường L, phường L, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:

Ông Phạm Thế V (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 1662/2025/UQ-VPB ngày 22/7/2025 của Ngân hàng TMCP V1).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

CCCD số 079198010278

Địa chỉ: Số B N, phường V (trước đây là Phường D, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2024, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Thế V trình bày:

Bà Huỳnh Thị Kim N và Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (gọi tắt là Ngân hàng V2) ký các Hợp đồng tín dụng như sau:

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ (325-P-2554592) ký ngày 17/02/2021 với hạn mức tín dụng là 190.000.000 đồng, mục đích sử dụng là phục vụ đời sống, lãi suất 47,88%/năm;

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (LD2218001505) ký ngày 29/6/2022 với số tiền vay là 200.000.000 đồng, mục đích sử dụng phục vụ đời sống, lãi suất 23%/năm, thời hạn vay là 60 tháng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên, bà Huỳnh Thị Kim N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 23/6/2024, Ngân hàng V2 chuyển sang nợ quá hạn theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2112164911807 (325-P-2554592) ký ngày 17/02/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (LD2218001505) ký ngày 29/6/2022. Mặc dù, Ngân hàng V2 đã tạo điều kiện cho bà Huỳnh Thị Kim N trả nợ nhưng bà N vẫn cố tình trốn tránh, không trả nợ cho ngân hàng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Kim N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng V2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng trên tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 552.054.261 đồng, bao gồm nợ gốc là 338.646.363 đồng, nợ lãi là 213.407.898 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 09/8/2025 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bà Huỳnh Thị Kim N đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng V2 có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1. Quá trình sử dụng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V2 yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N trả số tiền nợ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N có hộ khẩu thường trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.1] Xét Văn bản ủy quyền số 1662/2025/UQ-VPB ngày 22/7/2025 của Ngân hàng V2 ủy quyền cho ông Phạm Thế V tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, tại kết quả xác minh của Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh): “*Đương sự Huỳnh Thị Kim N, số căn cước 079198010278, sinh ngày 09/8/1998 có hộ khẩu thường trú tại số B N, Khu phố C, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nhà đã bán đang cư trú tại số F T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh*” và theo kết quả xác minh của Công an P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh): “*Đương sự Huỳnh Thị Kim N, số căn cước 079198010278, sinh ngày 09/8/1998 không đăng ký hộ khẩu thường trú và không có thực tế cư ngụ tại địa chỉ số F T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Căn cứ khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao quy định trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Xét, ông Phạm Thế V là đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Huỳnh Thị Kim N vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ (325-P-2554592) ký ngày 17/02/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (LD2218001505) ký ngày 29/6/2022 giữa Ngân hàng V2 và bà Huỳnh Thị Kim N được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ phần II của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2112164911807 (325-P-2554592) ký ngày 17/02/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (LD2218001505) ký ngày 29/6/2022 đều có quy định về thời hạn trả nợ gốc, tuy nhiên từ khi giải ngân đến nay bà N thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ, vi phạm về thời hạn thanh toán nên ngày 23/6/2024, Ngân hàng V2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà N. Căn cứ bản tự khai, bản chi tiết tính lãi tiền vay của Ngân hàng V2 cung cấp ngày 08/8/2025, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định số tiền nợ gốc của bà N đối với thẻ tín dụng là 189.947.227 đồng và hợp đồng tín dụng là 148.699.136 đồng. Tổng số tiền nợ gốc là 338.646.363 đồng (**I**).

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Căn cứ bảng kê chi tiết tính lãi và theo phần II quy định về trả nợ lãi của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/6/2022 và Điều 6 Phần D – Bản điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định áp dụng tính lãi trong hạn và quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng mà bà N đang sử dụng được áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định của ngân hàng V2. Nguyên đơn yêu cầu bà N trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/8/2025 là:

Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2112164911807 (325-P-2554592) ngày 17/02/2021, số tiền lãi là 149.423.899 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2106256078074 (LD2218001505) ngày 29/6/2022, số tiền lãi là 63.983.999 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà bà N phải trả là 213.407.898 đồng (2), là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 27/8/2025 cho đến khi bà N thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ (325-P-2554592) ký ngày 17/02/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2106256078074 (LD2218001505) ngày 29/6/2022 giữa Ngân hàng V2 và bà N.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Căn cứ Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

[1.1] Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 552.054.261 (Năm trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 338.646.363 (Ba trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm bốn

mười sáu nghìn, ba trăm sáu mươi ba) đồng, nợ lãi 213.407.898 (Hai trăm mười ba triệu, bốn trăm linh bảy nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng).

[1.2]] Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 27/8/2025 trên số tiền nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ (325-P-2554592) ký ngày 17/02/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LN2106256078074 (LD2218001505) ngày 29/6/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 với bà Huỳnh Thị Kim N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 26.082.170 (Hai mươi sáu triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi đồng), bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.245.179 (Mười triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0075366 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV4 - TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan